TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 80/2021//HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2021
V/v: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga**.**
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn, ông Dương Đình Tài.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trinh Minh Chữ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 06 năm 2021.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1996
Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã Cẩm G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1985
Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Số nH 58/2 đường Ngô Thị Nh, phường Dn, TP D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/03/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn, chị H trình bày: Chị và Nguyễn Văn L kết hôn với nhau ngày 24/07/2015 tại UBND xã Cẩm Ng vì lúc đó bố mẹ anh L mới ly hôn hộ khẩu gia đình đang sống ở xã Cẩm Ng, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, sau đó anh L mới cắt khẩu theo mẹ về xã Cẩm Long, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới, sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh L, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 chị đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, năm 2019 chị hết hợp đồng về nước

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng súc phạm nhau nhiệu lần, nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau một thời gian dài, đề nghi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng không có.

Tài sản chung, công nợ: Không có

Bị đơn anh Nguyễn Văn L: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã ra Quyết định ủy thác tống đạt văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân THnh Phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, tiến Hnh tống đạt và thu thập chứng cứ vào các ngày 29/3/2021 và ngày 05/5/2021, nhưng anh L không có mặt tại gia đình đã đi làm do dịch bệnh Covid – 19 không về nH và không đến Tòa được. Vì vậy, Tòa án đã tiến Hnh tống đạt các tài liệu, chứng cứ và văn bản tố tụng cho bà Quách Thị Đoài mẹ anh L đã nhận toàn bộ văn bản tố tụng và tài liệu, chứng cứ của TAND huyện C và cam kết sẽ có trách nhiệm giao cho lại anh L. Ngày 30/06/2021 sau khi nhận được các giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của TAND huyện C anh L đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề nghị Tòa án nhân dân huyện C tiền Hnh xét xử theo quy định của pháp luật. Anh nhất trí ly hôn chị H, về con chung, về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, bị đơn có xin vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa cho công bố toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập của bị đơn có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lývụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56 và Điều 57 – Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh L.

Về con chung; Về tài sản, công nợ: Không có.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu tại thôn M, xã Cẩm L, huyện C, hiên nay đang tạm trú tại Số nH 58/2 đường Ngô Thị Nh, phường D, Thành phố D, tỉnh Bình Dương. Do đó, Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, tiến Hnh xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến hai bên đã có một thời gian dai sống ly thân. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh L, anh L nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau một thời gian dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1Điều 51, Khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 238; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản, công nợ chung: Không có tài sản chung

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003741, ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện C.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh hoá;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Cẩm Ng, Cẩm L.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thái Dìn **Vũ Văn Nga**

Dương Đình Tài

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh hoá;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ;
- UBND xã Cẩm Ngọc, Cẩm Long.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Quỳnh **Vũ Văn Nga**

Nguyễn Thị Tiếp

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Quý.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Quỳnh **Vũ Văn Nga**

Nguyễn Thị Tiếp

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Quý.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn nga